

Số: /TTr-UBND

Tuyên Hóa, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho UBND huyện thực hiện một số nội dung trong dự toán chi ngân sách năm 2024

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân huyện;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện.

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho UBND huyện quyết định một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm 2024 với các nội dung cụ thể sau:

I. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2024 quy định:

“b) Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, trường hợp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thực hiện thì cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.”

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, UBND huyện chưa trình HĐND huyện giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định rõ đơn vị thực hiện và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền. Tổng nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ nêu trên bao gồm:

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Gồm kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; kinh phí học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT; kinh phí thực hiện hình sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP; hỗ trợ học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng; nguồn kinh phí khen thưởng và thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp... Các khoản kinh phí này đã có nội dung và định mức chi theo quy định, một số nhiệm vụ đã phát sinh và đã cấp bổ sung thực hiện theo nhiệm vụ. Riêng kinh phí đặt hàng thu gom và xử lý rác thải, vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh và quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng đã được giao đặt hàng cho đơn vị BQL các công trình công cộng huyện thực hiện theo định mức, đơn giá quy định.

- Kinh phí các sự nghiệp và các nhiệm vụ khác gồm: Kinh phí đào tạo lại; kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn; kinh phí bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng; kinh phí thực hiện chính sách khuyến công; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉnh trang đô thị, xử lý môi trường, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình; chi khác ngân sách; kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi đột xuất; nguồn kinh phí tin học, ứng dụng KHCCN; kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, đại hội, lễ hội; kinh phí phục vụ công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dồn điền đổi thửa và kiểm kê đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất... là các khoản mục kinh phí chưa giao nhiệm vụ, chưa xác định cụ thể đơn vị thực hiện.

(Có phụ lục kèm theo).

Vì vậy, để kịp thời bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I triển khai nhiệm vụ sau khi đã xác định rõ đơn vị thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện báo cáo và trình Hội đồng nhân dân huyện giao nhiệm vụ cho UBND huyện thực hiện giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các nguồn kinh phí nêu trên theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

II. Nội dung và bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm có 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện một số nội dung trong dự toán chi ngân sách năm 2024 cụ thể: Giao bổ sung dự toán năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân sách năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

UBND huyện báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Nam Giang

PHỤ LỤC CÁC NGUỒN KINH PHÍ GIAO UBND HUYỆN THỰC HIỆN
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND huyện)

DVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Ghi chú
	Tổng số	82.415.944	
I	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	30.510.364	
1	Kinh phí đào tạo lại	400.000	
2	Kinh phí đào tạo nghề cho LĐ nông thôn	500.000	
3	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTH vùng ĐBK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ	198.000	
4	Kinh phí Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	1.306.000	
5	Kinh phí thực hiện hình sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	790.000	
6	Hỗ trợ học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	3.150.000	
7	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ	1.896.000	
8	Kinh phí khen thưởng	1.200.000	
9	Kinh phí hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng	475.000	
10	Dự phòng tiền lương, nâng bậc lương thường xuyên, tăng biên chế; phụ cấp, trợ cấp và các chế độ, chính sách khác	11.918.364	
11	Kinh phí thực hiện chế độ hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND	2.477.000	
12	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, trường đạt chuẩn quốc gia	6.200.000	
II	Chi y tế, dân số và gia đình	22.905.000	
1	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng	22.905.000	
III	Chi sự nghiệp kinh tế	12.975.531	
1	Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp	1.300.000	
2	Kinh phí bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng	250.000	

3	Kinh phí thực hiện chính sách sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	42.646	
4	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	38.885	
5	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến công	300.000	
6	Kinh phí đặt hàng chăm sóc cây xanh	1.000.000	
7	Quản lý và vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn Đồng Lê	400.000	
8	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉnh trang đô thị, xử lý môi trường, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình	9.644.000	
IV	Chi sự nghiệp môi trường	1.550.000	
1	KP đặt hàng thu gom và xử lý rác thải	550.000	
2	Kinh phí đặt hàng vệ sinh hè, đường phố	1.000.000	
V	Chi bảo đảm xã hội	1.123.000	
1	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng CS	1.123.000	
VI	Các khoản chi khác ngân sách	13.352.049	
1	Chi khác ngân sách	500.000	
2	Kinh phí khen thưởng	300.000	
3	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi đột xuất	2.500.000	
4	Nguồn kinh phí tin học, ứng dụng KHCN	500.000	
5	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, đại hội, lễ hội	2.500.000	
6	Nguồn kinh phí dự phòng nâng bậc lương, tăng biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách khác	6.266.049	
7	Kinh phí phục vụ công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dồn điền đổi thửa và kiểm kê đất đai	786.000	